

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ tại huyện Nông Cống
và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến 2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ, huyện Nông Cống và huyện Như Thanh vào Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ, huyện Nông Cống và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 9417/SXD-QH ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ tại huyện Nông Cống và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 18/TTr-VHG ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Văn bản số 59/TĐVH-KHTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Hưng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ tại huyện Nông Cống và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung như sau:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Khu đất lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ, thuộc địa giới hành chính xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống và xã Yên Thọ, huyện Như Thanh. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp kênh Bắc sông Mực và Quốc lộ 45;
- Phía Nam giáp kênh Dân Quân và đường quy hoạch;
- Phía Đông giáp dân cư hiện trạng, nhà văn hóa và đất sản xuất nông nghiệp;
- Phía Tây giáp kênh Nam sông Mực.

1.2. Quy mô:

- Quy mô sử dụng đất: 49,87 ha.
- Quy mô lao động: Khoảng 6.000 – 7.000 người.

2. Tính chất, chức năng

Là cụm công nghiệp thuộc huyện Nông Công và Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa với các chức năng, ngành nghề công nghiệp chủ yếu gồm: Sản xuất hàng chần ga, thảm dệt, thời trang may mặc và giày da, nội thất, điện, điện tử, cơ khí, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, thức ăn gia súc, gia cầm; công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may... và các ngành nghề khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Các chỉ tiêu cơ bản áp dụng trong đồ án

a) Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- Khu vực sản xuất công nghiệp: mật độ xây dựng 50 - 70%, chiều cao <19m (1-3 tầng); hệ số sử dụng đất tối đa 2,1 lần.
- Khu vực quản lý điều hành: mật độ xây dựng 40-60%, tầng cao 5-7 tầng; hệ số sử dụng đất tối đa 4,2 lần.
- Tỷ lệ đất cây xanh 10,4%;
- Khu vực kỹ thuật hạ tầng 1,5%.

b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Tỷ lệ đất giao thông: 16,1 %.
- Cấp nước: Nước sinh hoạt: 120 lít/người /ngày đêm.
- Cấp điện sinh hoạt: 1.500kW/người/năm.
- Thoát nước: Nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Chỉ tiêu xử lý chất thải: 1,2kg/ng/ngày đêm.
- Rác thải: thu gom xử lý 100%.

4. Phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất

4.1 Phân khu chức năng:

- * Đất cụm công nghiệp: Diện tích khoảng 471.862,0 m².

a) Khu quản lý, điều hành: Quy hoạch tại 02 lô đất khu vực phía Đông đường tỉnh (theo quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Cống) gần với hướng tiếp cận chính từ Quốc lộ 45 và đường tỉnh, có các chức năng gồm: Đón tiếp và trưng bày, giới thiệu sản phẩm (lô đất ký hiệu QLĐH-01) diện tích 5.960,76 m²; khu vực bố trí các văn phòng điều hành, quản lý và các hạng mục phụ trợ khác (lô đất ký hiệu QLĐH-02) diện tích 15.612,62 m². Các khu quản lý điều hành được quy hoạch với tầng cao 5-7 tầng, mật độ xây dựng 40-60%, hệ số sử dụng đất tối đa 4,2 lần.

b) Khu vực sản xuất công nghiệp: Bố trí khu vực phía Tây đường tỉnh, phân thành 04 khu vực với chức năng, loại hình, quy mô và các chỉ tiêu quy hoạch, xây dựng như sau:

- Khu A: Là khu vực quy hoạch mới với lợi thế gần với hướng tiếp cận từ Quốc lộ 45 và đường tỉnh, dự kiến bố trí các dự án công nghiệp có kiến trúc công trình đẹp, hiện đại nhằm tạo ấn tượng khu vực cửa ngõ Cụm công nghiệp, tổng diện tích đất công nghiệp là 18.645,22 m² (lô đất ký hiệu CN-A). Chiều cao <19m (1-3 tầng), mật độ xây dựng 50 - 70%, hệ số sử dụng đất tối đa 2,1 lần.

- Khu B: Khu vực cập nhật các dự án hiện có gồm Xưởng chế biến thực vật San Anh (18.000 m²), Xưởng gia công cửa và các kết cấu thép (4.900m²), tổng diện tích đất công nghiệp tại khu vực là 22.850,00 m² (lô đất ký hiệu CN-A). Các chỉ tiêu xây dựng tuân thủ theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

- Khu C: Bố trí khu vực phía Tây Bắc CCN, diện tích đất công nghiệp là 74.959,58 m² (lô đất ký hiệu CN-C). Chiều cao <19m (1-3 tầng), mật độ xây dựng 50 - 70%, hệ số sử dụng đất tối đa 2,1 lần.

- Khu D: Là khu vực bố trí quỹ đất công nghiệp có quy mô lớn và tập trung nhất tại CCN, vị trí thuộc khu vực phía Nam, diện tích 201.090,60 m² (lô đất ký hiệu CN-D). Chiều cao <19m (1-3 tầng), mật độ xây dựng 50 - 70%, hệ số sử dụng đất tối đa 2,1 lần.

d) Khu vực Hạ tầng kỹ thuật và xử lý môi trường: Bố trí tập trung các công trình hạ tầng kỹ thuật của CCN như trạm biến áp, khu vực tập kết rác thải sinh hoạt, trạm xử lý nước thải (quy trình 2, sau khi đã xử lý tại các dự án đảm bảo theo quy định)... tại khu vực phía Đông Nam CCN, phía Tây đường tỉnh với tổng diện tích 7.200,00 m² (lô đất ký hiệu HTKT).

e) Cây xanh, mặt nước: Tổ chức các dải cây xanh cảnh quan và cách ly đảm bảo tiêu chuẩn với tổng diện tích 49.054,63 m² (chiếm 10,4% diện tích CCN), diện tích cây xanh được trồng cây bóng mát, bố trí các khu vực tiểu cảnh, hồ nước nhân tạo đáp ứng nhu cầu giải lao, thư giãn và vui chơi giải trí của công nhân, người lao động tại CCN, ngoài ra sẽ tổ chức hệ thống kênh mương, đường điện trung thế cải dịch.

f) Đất giao thông nội khu: tổng diện tích 75.983,02 m² (chiếm 16,1% diện tích đất CCN).

* Đất giao thông đối ngoại: Trục đường tính xác định theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Công, trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch (không tính trong đất CCN): tổng diện tích 26.838,0 m².

4.2. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Loại đất	Diện tích	Mật độ XD	Tầng cao	Hệ số SDD	Tỷ lệ
		(M2)	(%)	(tầng)	(lân)	(%)
*	Tổng diện tích lập quy hoạch	498.700,00				-
I	Đất cụm công nghiệp	471.862,00				100
1	Khu quản lý và điều hành	21.573,38	40	5-7	2.8	4,6
-	Khu quản lý và điều hành 01 (khu đón tiếp và giới thiệu sản phẩm)	5.960,76	40	5-7	2.8	1,3
-	Khu quản lý và điều hành 02 (khu văn phòng điều hành quản lý)	15.612,62	40	5-7	2.8	3,3
2	Đất công nghiệp	317.545,40		-	-	67,3
2.1	Công nghiệp khu A	18.645,22	50-70	<19m (3 tầng)	2.1	4,0
2.2	Công nghiệp khu B (cập nhật dự án đã chấp thuận chủ trương)	22.850,00	-	-	-	4,8
-	Công ty TNHH MTV nông nghiệp San Anh	18.000,00	-	-	-	3,8
-	Công ty TNHH một thành viên KDC	4.850,00	-	-	-	1,0
2.3	Công nghiệp khu C	74.959,58	50- 70	<19m (3tầng)	2.1	15,9
2.4	Công nghiệp khu D	201.090,60	50- 70	<19m (3tầng)	2.1	42,6
3	Đất cây xanh	49.054,63	-	-	-	10,4
4	Đất mặt nước (mương N1)	505,57	-	-	-	0,1
5	Khu HTKT và xử lý môi trường	7.200,00	-	-	-	1,5
6	Giao thông nội khu	75.983,02	-	-	-	16,1
II	Giao thông đối ngoại	26.838,00	-	-	-	-
-	Đường tỉnh (theo QHXD vùng huyện Nông Công)	26.838,00	-	-	-	-

5. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

Quốc lộ 45 xác định là hướng tiếp cận chính, đề xuất điểm đầu nối với Quốc lộ 45 là tuyến đường Bắc Nam của cụm công nghiệp (được xác định trong Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Cống là tuyến đường tỉnh trong tương lai) và là cửa ngõ trọng tâm của Cụm công nghiệp, về quy hoạch Cụm công nghiệp đầu nối tại 1 nút ra tuyến đường quy hoạch này để liên hệ với Quốc lộ 45;

Trục đường Thị trấn Bến Sung - Vạn Thiện được xác định theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Cống vị trí phía Nam cụm công nghiệp, cơ bản sẽ là trục vận tải công nghiệp chủ đạo đến nút giao cao tốc Bắc Nam tại xã Vạn Thiện;

Trục đường tỉnh (xác định theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Cống) là trục liên kết khu vực phía Tây vùng huyện Nông Cống, hướng tuyến đi qua cụm công nghiệp và đóng vai trò vừa là trục đối ngoại vừa là trục chính cảnh quan của CCN.

Không gian tổng thể CCN được phân thành 02 khu vực với công tiếp cận bố trí tại khu vực nút giao với đường tỉnh, cụ thể: phía Đông trục đường tỉnh là các khu vực đón tiếp, quản lý điều hành, giới thiệu trưng bày sản phẩm; các khu vực kỹ thuật hạ tầng và cây xanh. Khu vực phía Tây đường tỉnh là các khu vực nhà máy sản xuất công nghiệp.

Để đảm bảo năng lực hoạt động và thoát người khu vực, quy hoạch không gian cụm công nghiệp sẽ đa dạng các hướng tiếp cận, tuy nhiên sẽ hạn chế các giao cắt với đường tỉnh (trục đối ngoại) qua việc tổ chức hệ thống đường gom hai bên.

Khu vực phía Đông với tính chất hoạt động chủ yếu đón tiếp, điều hành và trưng bày, giới thiệu sản phẩm; xây dựng các công trình kiến trúc đẹp, ấn tượng và hiện đại với chiều cao 5-7 tầng, tạo điểm nhấn cho cụm công nghiệp và khu vực. Mặt khác cũng phù hợp với thực tế hiện trạng và yếu tố vệ sinh môi trường cho các khu dân cư và nhà văn hóa lân cận.

Không gian sản xuất công nghiệp được bố trí khu vực phía Tây trục đường tỉnh, tổ chức trục liên kết chính theo hướng Đông Tây (kết hợp kênh cải dịch) tiếp cận thuận lợi đến các lô đất công nghiệp và kết nối với đường tỉnh cũng như hệ thống các đường nội khu khác. Cập nhật phù hợp và đồng bộ hóa các dự án đã và đang triển khai trong khu vực, gồm 02 dự án sản xuất công nghiệp và dự án kênh Dân Quân (phía Nam ranh giới CCN).

Các không gian cây xanh được tổ chức nhằm đảm bảo các yếu tố phân định không gian chức năng (tránh ô nhiễm chéo) và cũng là yếu tố đảm bảo các hành lang an toàn hệ thống công trình thủy lợi, cách ly với các khu vực dân cư hiện hữu, đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường và PCCC... Không gian cây xanh được tổ chức kết hợp với các hoạt động nghỉ ngơi, thư giãn cho công nhân và người lao động tại CCN.

Về kiến trúc công trình: lựa chọn hình thức kiến trúc hiện đại thể hiện sự đơn giản, mạch lạc bằng các mảng khối, giản lược các chi tiết trang trí và sử dụng màu sắc tươi sáng. Tạo được sự đồng bộ về ngôn ngữ kiến trúc giữa các công trình và cảnh quan chung.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Giao thông:

* Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường Quốc lộ 45 tiếp giáp phía Bắc khu vực lập quy hoạch. Đây là tuyến giao thông đối ngoại quan trọng, hiện đang được quản lý đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 4 làn xe, lộ giới quản lý 42,0m.

- Tuyến đường Bến Sung - Vạn Thiện kết nối huyện Nông Cống và huyện Như Thanh tiếp giáp phía Nam khu vực lập quy hoạch, lộ giới 29,0m.

- Tuyến đường tỉnh lộ mới đi theo hướng Bắc Nam qua khu vực lập quy hoạch (xác định theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Cống), được quy hoạch là đường cấp III, lộ giới quản lý 42m; đoạn qua khu vực nghiên cứu quy hoạch thiết kế mặt đường: $10,50 \times 2 = 21,0\text{m}$; Dải phân cách: 5,0m; Hè đường: $8,0 \times 2 = 16,0\text{m}$;

* Giao thông nội bộ: Hệ thống đường giao thông trong khu vực quy hoạch là các tuyến đường bao quanh các cụm công trình đã phân khu. Khớp nối mạng đường khu vực nghiên cứu lập quy hoạch với mạng đường đối ngoại một cách thuận tiện. Trong đó:

- Trục chính Đông - Tây (tuyến N02) có mặt cắt: Lộ giới: 36,00m; Mặt đường: $10,50 \times 2 = 21,0\text{m}$; Dải phân cách: 5,0m; Hè đường: $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$;

- Các tuyến kết nối khu vực sản xuất công nghiệp mặt đường tối thiểu 9m, hè đường 3-5m;

- Các tuyến nội bộ trong khu vực quản lý điều hành: mặt đường tối thiểu 7,5m, hè đường 5m.

6.2. San nền, thoát nước mưa

- San nền: Tuân thủ theo cao độ các tuyến đường hiện trạng và quy hoạch tại khu vực; phù hợp với độ dốc, hướng dốc tự nhiên để đảm bảo việc tiêu thoát nước tự chảy và không gây ảnh hưởng tới các khu vực lân cận. Thiết kế san nền dốc từ trong lô đất ra các tuyến đường xung quan quanh với độ dốc tối thiểu $i = 0,04\%$. Hướng dốc chung từ Bắc thấp dần về phía Nam. Cao độ san nền khu đất cao nhất: + 10,1m; thấp nhất: + 8,0m.

- Thoát nước: Sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với thoát nước thải. Bố trí hệ thống cống tròn bê tông cốt thép có đường kính D600 - D1200, độ dốc dọc cống tối thiểu là $1/D$ và độ sâu chôn cống ban đầu $H = 0,7m$ dọc theo vỉa hè các tuyến giao thông để thu gom nước mưa, sau đó thoát về kênh tiêu Dân Quân phía Nam khu vực nghiên cứu lập quy hoạch.

6.3. Cấp nước

Nhu cầu sử dụng nước sản xuất và sinh hoạt tối đa của CCN khoảng: 915m³/ng.đ. Nguồn nước cấp cho Cụm công nghiệp được lấy từ nhà máy nước Bến En hiện có tại thị trấn Như Thanh, nhà máy đang được đầu tư nâng công suất lên 25.000 m³/ngày.đ và khai thác nước thô từ hồ Sông Mực.

6.4. Cấp điện, chiếu sáng

Nguồn điện cấp cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ trạm 110kV Nông Công thông qua các đường dây trung áp chạy qua khu vực lập quy hoạch. Nhu cầu sử dụng tối đa khoảng 7.952 kW. Xây dựng mới các trạm biến áp phục vụ nhu cầu quản lý điều hành và sản xuất công nghiệp (công suất cụ thể sẽ theo các dự án sản xuất).

Cải dịch các tuyến đường dây trung áp hiện có vào dải cây xanh cách ly và vỉa hè các tuyến đường đảm bảo an toàn.

Mạng lưới điện chiếu sáng được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông; cột đèn bằng cột thép đặt trên vỉa hè hoặc giải phân cách. Khoảng cách giữa các cột trung bình 30 - 35m/cột.

6.5. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường

- Chất thải rắn: Rác thải sinh hoạt được thu gom và tập kết tại khu vực phía Tây Nam CCN trước khi chuyển về xử lý tập trung tại khu vực bãi rác của huyện Nông Công - Như Thanh. Với rác thải từ quá trình sản xuất công nghiệp, phải thu gom xử lý theo quy trình riêng.

- Xử lý nước thải:

+ Nước thải sản xuất được xử lý theo 2 bậc, bậc 1 trong khuôn viên nhà máy, xí nghiệp tùy theo tính chất, loại hình công nghiệp sẽ xử lý đảm bảo theo quy định. Bậc 2 sẽ tiếp tục được thu gom về trạm xử lý nước thải chung của cụm công nghiệp.

+ Nước thải sinh hoạt: Được xử lý tại chỗ bằng bể tự hoại sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải chung của CCN.

+ Công suất trạm xử lý nước thải chung của CCN: 915 m³/ng.đ (bằng 100% nước cấp). Nước sau khi xử lý đạt chuẩn sẽ thoát ra kênh Dân Quân.

6.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

- Nguồn viễn thông thụ động cấp cho Khu vực lập quy hoạch được đầu nối từ đường dây trên tuyến đường Quốc lộ 45 đầu nối từ trung tâm viễn thông huyện Nông Cống.

- Nhu cầu dịch vụ viễn thông của khu vực cụm công nghiệp là: 188 đường dây thuê bao.

- Từ điểm đầu nối, xây dựng các tuyến cáp chính cấp tín hiệu đến tủ cáp phân phối IDF trong khu vực quy hoạch. Các tuyến cáp nhánh đi ngầm trên vỉa hè hoặc đi chung trong hào cáp kỹ thuật cùng với các tuyến hạ tầng khác. Tủ đầu nối IDF được đặt nổi trên bệ bê tông để đảm bảo vận hành trong mọi điều kiện thời tiết.

- Xây dựng mới 01 trạm BTS trong khu vực, đảm bảo phạm vi bán kính phủ sóng (từ 300 đến 500 m), đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ thông tin di động băng thông rộng tốc độ cao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND các huyện: Nông Cống, Như Thanh:

- Phối hợp Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Hưng tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày đồ án quy hoạch được phê duyệt để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Chỉ đạo việc quản lý và đầu tư phát triển Cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ, huyện Nông Cống và huyện Như Thanh theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc đầu tư, xây dựng dự án của nhà đầu tư, đảm bảo hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của nhân dân tại khu vực xung quanh dự án.

2. Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Hưng có trách nhiệm:

- Chủ động phối hợp với UBND các huyện: Nông Cống, Như Thanh để tổ chức công bố nội dung quy hoạch theo quy định.

- Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để đóng dấu theo quy định. Bàn giao hồ sơ, tài liệu đồ án quy hoạch chi tiết cho cơ quan quản lý quy hoạch, chính quyền địa phương làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức cắm mốc ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, các khu vực bảo vệ, quản lý, khai thác của dự án...) theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về đấu nối, cải dịch, hoàn trả hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông nội đồng, kênh mương thủy lợi, đường điện...) khi thực hiện dự án để đảm bảo hoạt động sản xuất nông nghiệp của nhân dân.

3. Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện Nông Cống, Như Thanh; Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Hưng và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2022)QDPPD_QHCT CCN Van Thang

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm